TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày: 23-4-2021

"V/v tranh chấp quyền sở hữu tài sản về tiền bồi hoàn khi thu hồi đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thế Phương;
Bà Nguyễn Thị Anh Đào.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Ông Chau Rết – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2018 "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản về tiền bồi hoàn khi thu hồi đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Neàng R, sinh năm 1944, nơi cư trú: t34, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lương Minh H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước. Địa chỉ: S 8/18 L, phường M, thành phố L, tỉnh A, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Chau S, sinh năm 1968, nơi cư trú: t34, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên. *Đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn T – Phó phòng Tài nguyên môi trường huyện T và ông Ngô Thanh D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T theo giấy ủy quyền số 1847/UQ-UBND ngày 10/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (thay thế giấy ủy quyền số 3732/UQ-UBND ngày 14/9/2018), đều có mặt;

+ Bà Neàng Sa O, sinh năm 1971, có mặt;

+ Bà Neàng Sa V, sinh năm 1973, vắng mặt;

+ Bà Neàng Sa V1, sinh năm 1974, vắng mặt;

+ Bà Neàng Kim L, sinh năm 1978, có mặt;

+ Bà Neàng Kim L1, sinh năm 1980, vắng mặt;

Cùng cư trú: t34, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A.

+ Ông Võ Văn D, sinh năm 1956, nơi cư trú: khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A,có mặt;

- *Người phiên dịch:* Ông Lục Tà Dung – Cán bộ Đài truyền thanh huyện Tịnh Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ghi ngày 12 tháng 02 năm 2018 và lời khai của bà Neàng R trình bày tại phiên tòa:***

Về nguồn gốc diện tích đất được thu hồi là bà được ông bà để lại trong tổng diện tích 5.000 m^2, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 26/3/2005 theo quyết định số 499/QĐ-CT.UB thu hồi một phần diện tích 2.614,1 m^2 tọa lạc tại khóm X, thị trấn T, huyện T, bà nhận được tiền bồi hoàn và vật kiến trúc là 64.474.106 đồng.

Phần diện tích còn lại do sức khỏe yếu không tiếp tục canh tác, nên bà R cầm cố 01 công đất cho ông Võ Văn D với số vàng 01 chỉ vàng 24kara và phần còn lại thì bỏ hoang.

Về việc cấp giấy chứng nhận đứng tên ông Chau T (Tuôl) thì bà không hay biết, vào năm 2015 bà không biết ông Chau S lại tự ý kê khai và nhận luôn tiền bồi hoàn thu hồi đất luôn diện tích của bà đang canh tác.

Theo bản trích đo địa chính của văn phòng đăng ký đất chi nhánh Tịnh Biên ngày 07/3/2019 xác định phần diện tích của bà canh tác còn lại 1.884,7 m^2 tọa lạc tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A nên bà thống nhất với diện tích này, trong đó có 01 phần diện tích là 1.342 m^2 tại các điểm 1,2,10,11,12,13,14 về 1, thửa cũ 1177, thửa mới 438, tờ bản đồ 57 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00421/gK ngày 20/02/1993 đứng tên Chau T và một phần diện tích 542,7 m^2 tại các điểm 2,3,4,5,8,9,10 về 2 thửa cũ 1186, thửa mới 459 thì chưa cấp chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà xác định không khiếu nại quyết định thu hồi đất và bồi hoàn thu hồi đất, mà Ủy ban nhân dân huyện T đã bồi hoàn cho ông Chau S nhận tiền nên bà chỉ khởi kiện yêu cầu đối với ông Chau S, yêu cầu ông trả lại tiền bồi hoàn thu hồi đất đã nhận theo diện tích là 1.884,7 m^2 tọa lạc tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, bà thống nhất với giá bồi thường là 120.000 đồng/m^2, theo đơn khởi kiện bà yêu cầu trả số tiền 288.000.000 đồng, do trước đây không rõ diện tích. Nay bà xin thay đổi và rút một phần yêu cầu ông Chau S trả lại số tiền 226.164.000 đồng (1.884,7 m^2 x 120.000 đồng).

+ Về tài liệu chứng cứ cho yêu cầu: không bổ sung gì thêm.

Về yêu cầu:

- Bà Neàng R yêu cầu ông Chau S trả lại tiền bồi hoàn thu hồi đất đã nhận theo diện tích là 1.884,7 m^2 tọa lạc tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, với giá thu hồi 120.000 đồng/m^2 là 226.164.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng: Công đo đạc là 1.804.000 đồng, nếu yêu cầu được chấp nhận bà R yêu cầu bị đơn phải hoàn trả lại.

**** Bị đơn ông Chau S có ý kiến trình bày như sau:***

Diện tích đất mà bà Neàng R đang tranh chấp có nguồn gốc là bác ruột Chau T (Tuôl, chết năm 2016) để lại, thời gian cách nay khoảng 30 năm ông Chau T cho bà R mượn đất canh tác làm lúa để sinh sống, nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cấp đứng tên ông Chau T.

Đến năm 2016, có chủ trương thu hồi đất và bồi hoàn theo Quyết định số 7910/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên thì đất ông bị thu hồi là 7.575 m^2 tại thị trấn T, huyện T trong đó có một phần diện tích đất cấp cho ông Chau T (không nhớ diện tích cụ thể), ông đã giao đất và nhận đủ tiền bồi thường là 940.300.000 đồng. Đối với phần đất của ông Chau T mà ông được nhận là do ông T không còn vợ con và sống chung với ông.

Vì vậy, khi được thông báo thu hồi và bồi hoàn đất ông biết được bà R đã cầm đất cho ông Võ Văn D nên ông có gặp ông D yêu cầu lấy đất lại, diện tích cụ thể không nhớ chỉ biết khoảng gần 2.000 m^2 tọa lạc tại thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên nên lúc đó ông đưa lại cho ông D 01 chỉ vàng 24 kara. Ông không yêu cầu bà R trả lại 01 chỉ vàng 24 kara trong vụ án này.

Theo thông báo số 23/TB-BSTLCC ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên ông không cung cấp được hàng thừa kế của ông Chau T, do hiện nay ông Chau T không còn vợ con.

Ông thống nhất với diện tích đất của ông Chau T theo kết quả của bản trích đo địa chính của văn phòng đăng ký đất chi nhánh Tịnh Biên ngày 07/3/2019 gồm diện tích 1.884,7 m^2 tọa lạc tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, trong đó có 01 phần diện tích là 1.342 m^2 tại các điểm 1,2,10,11,12,13,14 về 1, thửa cũ 1177, thửa mới 438, tờ bản đồ 57 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00421/gK ngày 20/02/1993 đứng tên Chau T và một phần diện tích 542,7 m^2 tại các điểm 2,3,4,5,8,9,10 về 2 thửa cũ 1186, thửa mới 459 thì chưa cấp chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng phần diện tích 542,7 m^2 chưa được cấp giấy là chưa kịp đi kê khai, nên ông không đồng ý theo yêu cầu của bà R.

+ Về tài liệu chứng cứ: không bổ sung gì thêm.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày***:

- Bà Neàng Sa O, Neàng Sa V, Neàng Sa V1, Neàng Kim L và bà Neàng Kim L1 trình bày: Các bà thống nhất với ý kiến của bà Neàng R, không có tranh chấp và yêu cầu trong vụ án này.

- *Ý kiến của ông Võ Văn D:* Đối với diện tích đất đang tranh chấp tiền bồi thường do thu hồi đất giữa bà R với ông Chau S, thì ông biết được bà R và ông Chum (chồng) canh tác từ khoảng năm 1975, diện tích bao nhiêu ông không biết rõ, chỉ tính chừng khoảng 03 công tầm cắt tọa lạc tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A. Khoảng năm 2005 đã thu hồi khoảng ½ diện tích này, còn lại khoảng 1,5 công tầm cắt nên bà Neàng R cầm cố cho ông 01 chỉ vàng 24 kara (ông không nhớ rõ thời gian cụ thể), thỏa thuận miệng không ghi giấy tờ gì. Ông canh tác đất này được 06-07 năm thì ông Chau S lấy đất lại và trả cho ông 01 chỉ vàng 24 kara, sau khi nhận vàng ông có cho bà R hay, nên ông không có yêu cầu trong vụ án này.

- *Ý kiến Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên:*

+ Ông Nguyễn Văn T trình bày: Theo bản trích đo địa chính ngày 07/3/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập, thửa 459, tờ bản đồ 57 (tương ứng thửa 490, tờ bản đồ 02) và thửa 438, tờ bản đồ 57 (tương ứng thửa 495, tờ bản đồ 02) theo Quyết định thu hồi số 7910/Qđ-UBND ngày 11/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên, thì ông Chau S đã thỏa thuận chuyển nhượng các thửa đất này ngày 12/01/2015 với giá 120.000 đồng/m^2, ông Chau S đã nhận tiền ngày 13/01/2015, khi đó hai thửa này trên đất không có vật kiến trúc. Việc thỏa thuận nhận chuyển nhượng có thửa 438 thuộc chứng nhận đứng tên ông Chau T, còn thửa 459 thì chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông Chau S tự kê khai thiệt hại và Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện kiểm kê thiệt hại, đồng thời niêm yết công khai trong thời gian 20 ngày không ai tranh chấp thì tiến hành chi tiền cho ông Chau S.

Trong quá trình giải quyết nếu có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà R, thì yêu cầu ông Chau S phải trả lại cho bà Neàng R số tiền tương ứng.

+ Ông Ngô Thanh D trình bày: Không bổ sung ý kiến khác, thống nhất với ý kiến của ông T. Nếu có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Neàng R thì yêu cầu ông Chau S phải trả lại tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

**** Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên có quan điểm***:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các văn bản cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán còn để án quá thời hạn xét xử.

- *Đối với người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Vào năm 2016, thực hiện dự án mở rộng khu công nghiệp nên Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên ban hành Quyết định số 7910/QĐ-UBND ngày

11/7/2016 thu hồi diện tích 7.575 m^2 của ông Chau S tại thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên gồm các thửa số 487; 488; 489; 490; 495; 496; 497; 498; 499; 500; 501; 502; 503, trong đó có một phần diện tích đất cấp cho ông Chau T (1.342 m^2 do ông T đứng tên và 542,7 m^2 chưa được cấp giấy), ông Son đã giao đất và nhận đủ tiền bồi thường là 940.300.000 đồng.

Xét thấy theo bản trích đo địa chính lập ngày 07/3/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh huyện Tịnh Biên thể hiện phần diện tích 1.342 m^2 tờ bản đồ cũ số 01, thửa số 1177 (thửa mới 438, tờ số 57) đứng tên giấy chứng nhận ông Chau T; phần diện tích còn lại 542,7 m^2 thuộc tờ bản đồ cũ số 01, thửa số 1186 (thửa mới 459, tờ số 57) chưa có giấy chứng nhận. Đối chiếu với Quyết định số 7910 ngày 11/7/2016 của UBND huyện Tịnh Biên thì phần đất ông Chau S bị thu hồi, bồi thường hỗ trợ không có các thửa như đã nêu, nên Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên có văn bản phối hợp hoạt động. Ngày 20/3/2019, UBND huyện Tịnh Biên có công văn số 1135/UBND-NC phúc đáp: "Bà Nèang R tranh chấp đất với diện tích 1.884,7 m^2 theo bản trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập thuộc thửa 459, tờ 57, diện tích 542,7 m^2 (tương ứng với thửa 490, tờ số 02) và thửa 438, tờ 57, diện tích 1.342 m^2 (tương ứng với thửa số 495, tờ số 02 trước đây)".

Về nguồn gốc đất diện tích 1.884,7 m^2 được xác định là của bà Nèang R, ông Chum (chồng bà R) canh tác, quản lý từ năm 1978. Phù hợp với lời khai bà Nèang R, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông D và biên bản xác minh ngày 13/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên đối với Chau P, Lê Văn Đ (Bút lục số 141-146).

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định ông Chau S có nhận tiền bồi thường hỗ trợ phần diện tích 1.884,7m^2 theo Quyết định số 7910 ngày 11/7/2016 của UBND huyện Tịnh Biên, trong đó có phần diện tích 542,7 m^2 của bà Nèang R.

Do bà Nèang R không khiếu nại hoặc tranh chấp gì đối với phần diện tích 1.342 m^2 đã được Nhà nước cấp cho ông Chau T, nên chỉ có thể xem xét chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nèang R đối với ông Chau S.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 105, 158, 163, 166, 615 Bộ luật dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà R. Buộc ông Chau S trả lại số tiền 65.124.000đồng cho bà R trên phần diện tích đất 542,7m2 x 120.000đồng).

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận***:

Nguồn gốc 02 thửa đất 490, 495 bà R và chồng đã có quá trình lịch sử sử dụng lâu dài. Đối với thửa đất 490, diện tích 1.342 m^2 đã được cấp chứng nhận cho ông Chau T lẽ ra cần được làm rõ, đề nghị xem xét lại trình tự thủ tục cấp giấy tuy nhiên diện tích này đã được Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên thu hồi theo quy hoạch, nên giấy chứng nhận cũng đã được thu hồi không còn nên không cần thiết xem xét lại việc cấp giấy này.

Căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai quy định, thì bà R và chồng đã có quá trình canh tác 02 thửa đất (490, 495) lâu dài từ năm 1978, lẽ ra khi thu hồi

đất thì bà R là người được nhận tiền bồi hoàn nhưng Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên chi cho ông Chau S nhận tiền là chưa phù hợp, nên ông Chau S phải có nghĩa vụ trả lại số tiền này. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà R.

**** Ý kiến tranh luận của bị đơn*:** Nguồn gốc 02 thửa đất 490, 495 diện tích 1.884,7 m^2 là của ông Chau T, do ông T đã chết và không còn vợ con nên ông là cháu đi kê khai để tiền bồi hoàn do thu hồi đất này. Do bà R trước kia đã nhận 01 phần bồi thường, nên ông kê khai nhận phần còn lại. ông cũng khẳng định ông không có quá trình canh tác đối với diện tích 542,7 m^2, thửa cũ 1186, thửa mới 495 và cũng không có chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình.

- *Về tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được*: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/10/2018; Biên bản xác minh của ông Chau P ngày 13/02/2020; Biên bản xác minh của ông Lê Văn Đ ngày 13/02/2020; Biên bản xác minh Cán bộ địa chính thị trấn Tịnh Biên ngày 04/3/2021; Biên bản xác minh của ông Chau S ngày 11/01/2021; Bảng kê khai ruộng đất của ông Chau T ngày 18/6/1991 (xác nhận ngày 20/02/1993); Bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh huyện Tịnh Biên lập ngày 07/3/2019; Văn bản số 1135/UBND-NC ngày 20/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên (kèm hồ sơ thu hồi đất và bồi hoàn thu hồi đất).

** Tại phiên tòa hôm nay các đương sự không bổ sung chứng cứ gì thêm.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đối tượng tranh chấp tiền bồi hoàn thu hồi đất có liên quan là bất động sản thuộc khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là vụ án "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản về tiền bồi thường khi thu hồi đất" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bà Neàng Sa V1, Neàng Sa Vươnl, Neàng Kim L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nhưng có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét thấy thực hiện dự án đầu tư mở rộng khu Công nghiệp X (thuộc thị trấn T, huyện T, tỉnh A) và tiến hành phương án bồi thường (theo cơ chế thỏa thuận chuyển nhượng), theo đó Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định: 7910/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên *về việc thu hồi đất của ông Chau S,* có diện tích 7.575 m^2 tọa lạc tại thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tại các thửa số 487, 488, 489, 490, 495, 496, 497, 498, 500,

501, 502, 503, tờ bản đồ số 01 trên cơ sở ông Chau S đã kê khai thiệt hại, thỏa thuận giá chuyển nhượng. Nên ông Chau S đã nhận tiền bồi thường thu hồi đất và cây trồng là 940.300.000 đồng. Tại biên bản về việc thỏa thuận chuyển nhượng lập ngày 12/01/2015 ghi nhận các thửa đất thu hồi, có diện tích 7.575 m^2 chưa được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất, có ghi nhận nguồn gốc đất của cha mẹ để lại canh tác từ năm 1975 đến năm 1980. Theo hồ sơ trích lục các thửa: thửa cũ 1177 (mới 490), 1178, 1179, 1180 thì các thửa này đã cấp giấy chứng nhận đứng tên Chau T theo giấy chứng nhận số 00421gK ngày 20/02/1993 (theo bảng kê khai ruộng đất xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 20/02/1993 và biên bản xác định ranh giới – mốc giới khu đất ngày 10/7/2014).

Đối với diện tích nguyên đơn tranh chấp được xác định tại các thửa 438, 459 theo Bản trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập ngày 07/3/2019 đã xác định: có 01 phần diện tích là 1.342 m^2 tại các điểm 1,2,10,11,12,13,14 về 1, thửa cũ 1177, thửa mới 438, tờ bản đồ 57 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00421/gK ngày 20/02/1993 đứng tên Chau T và một phần diện tích 542,7 m^2 tại các điểm 2,3,4,5,8,9,10 về 2 thửa cũ 1186, thửa mới 459 thì chưa cấp chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua thực tế kết quả đo đạc xác định được vị trí tranh chấp về tiền bồi thường thu hồi đất tại các thửa 490, 495 theo quyết định 7910/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên. Tại văn bản số 1135/UBND-NC ngày 20/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên xác định: *"..... Bà Neàng R tranh chấp đất đối với diện tích 1.884,7 m^2 theo Bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập thuộc thửa 459, tờ 57, diện tích 542,7 m^2 (tương ứng thửa số 490, tờ số 02 trước đây) và thửa 438, tờ số 57, diện tích 1.342 m^2 (tương ứng với thửa số 495, tờ số 02 trước đây)*". Vì vậy, xác định diện tích thức tế bà R tranh chấp thuộc diện tích thu hồi slà 1.342 m^2 tại các điểm 1,2,10,11,12,13,14 về 1 và diện tích 542,7 m^2 tại các điểm 2,3,4,5,8,9,10 về 2 theo Bản trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập ngày 07/3/2019.

[2.2] Xét về quá trình sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp được thu hồi bồi hoàn:

- Đối với diện tích 1.342 m^2 tại các điểm 1,2,10,11,12,13,14 về 1, thửa cũ 1177, thửa mới 438, tờ bản đồ 57 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00421/gK ngày 20/02/1993 đứng tên Chau T. Bà Neàng R có quá trình canh tác quản lý từ năm kê khai cấp chứng nhận quyền sử dụng đất theo hồ sơ thể hiện ông Chau T đã kê khai đứng tên đối với thửa đất này từ năm 1993 theo Luật đất đai quy định, mà bà không hay biết và không có khiếu nại. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Chau T thửa 490 (1177 cũ) đến thời điểm thu hồi, không bị hủy hay khiếu nại nên việc cấp chứng nhận cho ông Chau T là hợp pháp. Nên không có cơ sở xác định được diện tích đất này là của bà Neàng R. Do đó, việc ông Chau S kê khai để nhận tiền bồi thường thu hồi đất đối với phần diện tích đứng tên ông Chau T là do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên quyết định.

- Đối với diện tích 542,7 m^2 tại các điểm 2,3,4,5,8,9,10 về 2, thửa cũ 1186, thửa mới 495 thì chưa cấp chứng nhận quyền sử dụng đất. Có nguồn gốc do bà R và chồng (Chau Chum) tuy nhiên ông Chum, đã chết năm 2004 nên Tòa án đã xác định đưa hàng thừa kế của ông Chum vào tham gia tố tụng là các con gồm: Neàng Sa O, Neàng Sa V1, Neàng Sa Vươnl, Neàng Kim L, Neàng Kim L1 nhưng họ không có yêu cầu, giao cho bà R quyết định. Do đó, xác định bà là người có quyền khởi kiện là phù hợp.

Về nguồn gốc có cơ sở xác định bà R và ông Chum là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp (lúa LUK) đã có quá trình canh tác, quản lý, sử dụng lâu dài từ năm 1978, có thời gian không canh tác mà cố lại cho ông Võ Văn D cho đến khi thu hồi đất. Điều này được chứng minh phù hợp với các lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn D và người làm chứng ông Lê Văn Đáo, ông Chau Pênh. Nhưng khi Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên thông báo thu hồi đất thì bà R không hay biết, mà ông Chau S (là cháu ông Chau T) không phải là người trực tiếp canh tác khi đi kê khai thỏa thuận để nhận tiền bồi thường đã kê khai luôn phần diện tích mà bà R đang canh tác.

Vì vậy, đối với diện tích 542,7 m^2 khi thực hiện dự án đầu tư mở rộng khu Công nghiệp X (thuộc thị trấn T, huyện T, tỉnh A) thu hồi đất này thì bà R phải là người được nhận tiền bồi hoàn. Nhưng ông Chau S không phải là người canh tác trực tiếp, mà đi kê khai nhận tiền bồi thường đối với diện tích 542,7 m^2 tại các điểm 2,3,4,5,8,9,10 về 2, thửa cũ 1186, thửa mới 495 là chưa phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013. Do đó, ông Chau S phải trả lại cho bà Neàng R tiền bồi thường do thu hồi đất theo giá bồi thường 120.000 đồng/m^2, diện tích 542,7 m^2 là 65.124.000 đồng.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng có cơ sở chấp nhận một phần ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; không có cơ sở xem xét ý kiến tranh luận của bị đơn.

Do đó, theo ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về chi phí tố tụng: Công đo đạc là 1.804.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu ½ chi phí, nguyên đơn đã tạm ứng nộp nên bị đơn hoàn trả lại.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 105, 158, 163, 166 của Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 147, 157, 158, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp một phần yêu cầu khởi kiện của bà Neàng R về yêu cầu sở hữu tiền bồi thường do thu hồi đất đối với ông Chau S.

Buộc bị đơn ông Chau S phải trả lại cho nguyên đơn bà Neàng R số tiền là 65.124.000đ *(sáu mươi lăm triệu, một trăm hai mươi bốn ngàn đồng)* đã nhận bồi thường do thu hồi đất diện tích 542,7 m^2 tọa lạc tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Atại các điểm 2,3,4,5,8,9,10 về 2, thửa cũ 1186, thửa mới 459 (*tương ứng thửa số 490 theo quyết định thu hồi đất số 7910/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên),* theo Bản trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập ngày 07/3/2019.

(Kèm theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Tịnh Biên lập ngày 07/3/2019).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Chau S phải hoàn lại cho bà bà Neàng R số tiền 902.000đ *(chín trăm, lẻ hai ngàn đồng).*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Neàng R được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi.

Ông Chau S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.256.000đ *(ba triệu, hai trăm, năm mươi sáu ngàn đồng).*

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- TA tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS h. Tịnh Biên;
- Lưu HS & VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Mỹ